TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH B

Số: 03/2025/DS-ST
Ngày 26-02-2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* - Ông Huỳnh T

+ *Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Hoàng Văn T1

- Ông Nguyễn Đăng Thg

+ *Thư ký phiên tòa:* - Bà Nguyễn Thị Hoài Th1 - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B.

+ *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh B tham gia phiên tòa:* - Bà Hà Thị Hải L - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 256/2024/TLST - DS ngày 07/11/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-DS ngày 06/02/2025 của TAND huyện Đ, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1969 (có mặt).

Trú tại: Tổ 3, khu phố Tân L, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh B.

+ Bị đơn: Bà Nguyễn Thị TH, sinh năm 1971 (có mặt).

Trú tại: Tổ 3, khu phố Tân L, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đinh Văn H, sinh năm 1971 (xin vắng mặt).

Trú tại: Tổ 3, khu phố Tân L, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình này:*

Vào năm 2020 bà TH có vay của bà X số tiền 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng, khi vay có lập giấy viết tay hẹn 01 tháng sẽ trả 1.000.000 (Một triệu) đồng vào ngày 05 hàng tháng (thời hạn bắt đầu trả là 05/9/2020) cho đến khi trả hết nợ, khi vay không có lãi suất; Sau khi vay đến hẹn bà TH không trả, bà X đã gọi điện thoại nhiều

lần và qua nhà bà TH nhưng bà TH cố tình trốn tránh không trả, bà X có yêu cầu bà TH trả thì bà TH có trả 02 lần mỗi lần 1.000.000 đồng (lần 01 khoảng tháng 11/2020 và lần 02 khoảng tháng 3/2021) tổng cộng là 2.000.000 (Hai triệu) đồng. Hiện nay bà TH còn nợ lại 23.000.000 đồng, từ đó đến nay hơn 04 năm, mặc dù bà X yêu cầu trả nhiều lần nhưng bà TH vẫn không trả, bà X qua nhà nhiều lần nhưng không bao giờ gặp bà TH do bà TH cố tình trốn tránh, gọi điện thoại thì bà TH không bao giờ nghe máy. Nay bà X khởi kiện yêu cầu bà TH trả lại cho bà X số tiền còn nợ là 23.000.000 (Hai mươi ba triệu) đồng. Bà X không yêu cầu tính lãi suất. Bà X yêu cầu bà TH trả một lần số tiền còn nợ, không đồng ý cho bà TH trả nhiều lần theo yêu cầu của bà TH tại phiên tòa do bà TH đã nợ từ năm 2020 cho đến nay không có thiện chí trả nợ. Bà X xin rút lại không yêu cầu ông H chồng bà TH cùng trả nợ chung mà chỉ yêu cầu một mình bà TH trả nợ.

** Tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị TH trình bày:*

Bà TH thừa nhận có vay của bà X nhiều lần từ năm 2010 cho đến ngày 22/8/2020 hai bên có lập giấy vay với số tiền là 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng. Hẹn mỗi tháng trả 1.000.000 đồng nhưng sau đó do làm ăn gặp khó khăn nên bà TH chỉ trả được cho bà X 02 lần, mỗi lần 1.000.000 đồng tổng cộng với số tiền đã trả là 2.000.000 đồng. Khi vay chỉ một mình bà TH vay, ông H (chồng bà TH) hòan toàn không biết bà TH vay tiền của bà X. Sau đó do làm ăn gặp khó khăn nên chưa trả. Nay bà TH đồng ý một mình bà đứng ra trả cho bà X số tiền còn nợ 23.000.000 (Hai mươi ba triệu) đồng do bà TH tự ý mượn, nhưng nay do khó khăn nên bà TH xin trả dần 04 lần, mỗi lần là 5.750.000(Năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng/02 tháng (bắt đầu trả từ ngày 30/4/2025) cho đến khi trả xong nợ. Ngoài ra bà TH không có ý kiến gì nữa cả.

** Tại bản trình bày ý kiến ngày 25/02/2025- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn H trình bày:* Ông H (là chồng bà TH) không biết bà TH vay tiền của bà X, do bà TH tự vay sử dụng riêng không nói cho ông H biết và có nghe nói bà TH nói nợ tiền bà X, ông có biết bà TH có trả 2.000.000 đồng và còn nợ lại 23.000.000 đồng, nay ông H không đồng ý trả nợ chung với bà TH do ông không sử dụng chung khoản tiền vay. Do bận việc nên ông H có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết, xét xử vụ án.

** Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

+ Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu tuân theo pháp luật tố tụng của của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của đương sự.

+ Về nội dung vụ án: Do bà TH thừa nhận một mình bà TH vay tiền số tiền 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng của bà X không liên quan đến ông H, bà TH đã trả được 2.000.000 (Hai triệu) đồng và còn nợ lại số tiền 23.000.000 (Hai mươi ba triệu) đồng. Bà X yêu cầu bà TH trả một lần toàn bộ số tiền đã vay, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X buộc bà TH trả cho bà X số tiền còn nợ là 23.000.000 (Hai mươi ba triệu) đồng. Bà X không yêu cầu tính lãi suất nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ được thẩm tra tại phiên tòa, qua phần hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" do nguyên đơn bà Nguyễn Thị X khởi kiện. Do bị đơn bà Nguyễn Thị TH hiện trú tại: Tổ 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú, huyện Đ, tỉnh B. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B.

Bị đơn bà Nguyễn Thị TH vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, tuy nhiên tại phiên tòa bà TH có mặt và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn H vắng mặt và có đơn xin vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H là đúng quy định.

[2] Về yêu cầu của đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X yêu cầu buộc bị đơn bà Nguyễn Thị TH trả số tiền gốc vay còn nợ 23.000.000 (Hai mươi ba triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Ngoài ra, không yêu cầu gì nữa cả.

Quá trình thu thập chứng cứ cũng như các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự, qua tranh luận, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Vào ngày 22/8/2020 bà Nguyễn Thị TH có vay của bà Nguyễn Thị X số tiền 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng, khi vay có lập giấy viết tay có bà TH ký nhận hẹn mỗi tháng trả 1.000.000 (Một triệu) đồng, tuy nhiên sau đó bà TH không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận. Bà X đã nhiều lần yêu cầu bà TH trả nợ và bà TH chỉ trả cho bà X 02 lần (lần 01 khoảng tháng 11/2020 số tiền 1.000.000 đồng và lần 02 tháng 3/2021 số tiền là 1.000.000 đồng) tổng cộng là 2.000.000 (Hai triệu) đồng, còn nợ lại số tiền 23.000.000 (Hai mươi ba triệu) đồng cho đến nay, mặc dù bà X đã nhiều lần yêu cầu trả nhưng bà TH không trả và cố tình trốn tránh không trả nợ. Nay bà X khởi kiện yêu cầu bà TH trả số tiền gốc vay còn nợ 23.000.000 (Hai mươi ba triệu) đồng là có căn cứ chấp nhận. Đối với lãi suất bà X không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa bà X rút lại yêu cầu ông H trả nợ chung mà chỉ yêu cầu một mình bà TH trả nợ cho bà X.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định:

[4] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn bà Nguyễn Thị TH trả số tiền gốc vay còn nợ lại 23.000.000 (Hai mươi ba triệu) đồng là có căn cứ chấp nhận, nên cần buộc bà TH trả cho bà X số tiền gốc vay còn nợ lại là 23.000.000 (Hai mươi ba triệu) đồng. Bà X không yêu cầu tính lãi suất vay, xét thấy việc không yêu cầu tính lãi suất là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định nên cần chấp nhận.

Tại phiên tòa bà X xin rút lại yêu cầu ông H trả nợ chung, xét thấy tại phiên tòa bà TH trình bày chỉ một mình bà TH vay nợ, không thông qua ông H, không sử dụng chung khoản tiền vay, quá trình làm việc ông H cũng trình bày không biết bà TH vay tiền của bà X. Vì vậy, ông H không có nghĩa vụ phải trả nợ chung. Do đó bà

X rút lại yêu cầu ông H trả nợ, việc không yêu cầu ông H cùng trả nợ là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định và phù hợp với nội dung vụ án nên cần chấp nhận và cần đình chỉ đối với yêu cầu ông H trả nợ chung.

Đối với bị đơn bà TH yêu cầu trả dần thành 04 lần (02 tháng trả một lần) bắt đầu từ ngày 30/4/2025 với số tiền 5.750.000 đồng/lần cho đến khi trả xong nợ; Xét thấy bà TH có tình trốn tránh không hợp tác làm việc trong suốt quá trình Tòa án làm việc, hòa giải; Tại phiên tòa nguyên đơn bà X không đồng ý cho bà TH trả dần theo yêu cầu do bà TH không có thiện chí trả nợ, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà TH.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà X được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà TH phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 275, 385, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X.

1. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị TH phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị X số tiền gốc vay còn nợ là 23.000.000 (Hai mươi ba triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án chậm thi hành án thì ngoài số tiền phải trả còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

2. Căn cứ Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự:

Đình chỉ đối với yêu cầu buộc ông Đinh Văn H trả nợ chung, do bà Nguyễn Thị X rút yêu cầu.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

32.1. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X không phải chịu án phí do yêu cầu được chấp nhận. Trả lại cho bà X số tiền tạm tứng án phí 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0010709 ngày 07/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh B.

3.2. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị TH phải chịu án phí dân sự có giá ngạch: 1.150.000 (Một triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể tử ngày tuyên án; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND , VKSND tỉnh B;
- CC THADS H. Đ;
- VKSND Đ;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Huỳnh T